TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày: 14-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn D

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ô Huỳnh Văn Bé.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/HSST ngày 06/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Chung Kim D, Sinh năm 1986, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT và chổ ở: Số Q đường S, ấp L, xã B, huyện H, TP.Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Chung Thu C và bà Huỳnh Thị Nhàn E, bị cáo có vợ tên Lâm Thị Na U, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2019 cho đến nay, Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên Đỗ Trọng S1, Sinh năm 1989, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT và chổ ở: Số F đường S, ấp L, xã B, huyện H, TP.Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Con bà Đỗ Thị S2, bị cáo có vợ tên Bùi Thị T, có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 07/5/2014 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 18/7/2019 cho đến nay, Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 8 giờ 30 phút ngày 18/7/2019, Đỗ Trọng S1 điều khiển xe máy biển số 93B1-02X.XX đến nhà D thuộc ấp L, xã B, huyện H để đi mua ma túy giúp cho D, D đưa cho S1 số tiền 8.000.000 đồng để S1 đi mua chất ma túy giúp cho D. S1 điều khiển xe máy biển số 93B1-02X.XX đến xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi và điện thoại cho người tên T1 hỏi mua chất ma túy thì T1 đồng ý và hẹn địa điểm giao nhận chất ma túy, liền sau đó S1 điều khiển xe máy đến điểm hẹn là đồng ruộng trống thuộc xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi. Tại đây, S1 đưa cho T1 số tiền 8.000.000 đồng và nhận của T1 04 gói nylon chứa chất ma túy, S1 điều khiển xe máy quay về, khi đến địa phận thuộc ấp 10, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi thì bị công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi kiểm tra phát hiện S1 đang cầm 04 gói nylon chứa chất bột màu trắng trên tay và S1 khai nhận là chất ma túy nên Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang. Cùng ngày, Công an huyện Củ Chi mời Chung Kim D đến làm việc nhưng D bỏ trốn, đến ngày 08/10/2019 Công an huyện Củ Chi ra lệnh bắt tạm giam và tiến hành khám xét nơi ở của Chung Kim D và thu giữ 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng. Quá trình điều tra, Chung Kim D khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Ngoài ra, Chung Kim D còn khai nhận vào ngày 11/7/2019, D đưa cho Đỗ Trọng S1 8.000.000 đồng để S1 đi mua chất ma túy giúp cho D, sau khi mua về, D cho S1 02 tép chất ma túy để sử dụng, số còn lại D đã sử dụng hết.

Tại bản kết luận giám định số 1466 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bột màu trắng trong 04 gói nylon niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Đỗ Trọng S1 và hình dấu Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi là ma túy thể rắn, có khối lượng 7,4878 g, loại heroine.

Tại bản kết luận giám định số 1900 ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, bột màu trắng trong 01 gói nylon niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Chung Kim D và hình dấu Công an xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn là ma túy thể rắn, có khối lượng 0,2814g, loại heroine.

Bản cáo trạng số: 27/CTr-VKS-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyên Củ Chi truy tố bị cáo Chung Kim D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Đỗ Trọng S1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Đỗ Trọng S1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai rằng: Ngày 18/7/2019 bị cáo điều khiển xe máy biển số 93B1-02X.XX đến nhà bị cáo D thuộc ấp L, xã B, huyện H để chơi, sau đó bị cáo hỏi bị cáo D có mua chất ma túy không để bị cáo đi mua dùm thì bị cáo D đưa cho bị cáo 8.000.000

đồng để mua chất ma túy. Sau đó bị cáo điều khiển xe máy biển số 93B1-02X.XX đến xã Tân Thạnh Đông rồi điện thoại cho người tên T1 hỏi mua chất ma túy thì tên T1 hẹn bị cáo đến khu vực đồng ruộng để giao nhận chất ma túy, bị cáo điều khiển xe đến đồng ruộng gặp người tên T1 để nhận 04 gói nylon chứa chất ma túy, bị cáo đưa cho tên T1 8.000.000 đồng. Bị cáo cầm 04 gói nylon trên tay và điều khiển xe quay về, khi đi được một đoạn thì bị công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi kiểm tra phát hiện bị cáo đang tàng trữ trái phép chất ma túy nên bắt giữ. Ngoài ra, ngày 11/7/2019 bị cáo D có nhờ bị cáo đi mua chất ma túy dùm cho bị cáo D, sau khi mua xong bị cáo D cho bị cáo 02 tép để bị cáo mang về nhà của bị cáo sử dụng. Chiếc xe máy biển số 93B1-02X.XX là xe bị cáo mượn của người bạn tên B1 gần nhà.

Tại phiên toà, bị cáo Chung Kim D thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai rằng: khoảng 8 giờ 00 phút ngày 18 /7/2019 bị cáo có đưa cho bị cáo S1 8.000.000 đồng tại nhà của bị cáo để bị cáo S1 đi mua chất ma túy về sử dụng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày mà bị cáo chưa thấy bị cáo S1 về nên bị cáo điện thoại cho bị cáo S1 nhưng không được, sau đó bị cáo biết bị cáo S1 bị công an huyện Củ Chi bắt giữ. Đến ngày 09/10/2019 Công an huyện Củ Chi đến khám xét nhà của bị cáo thu giữ 01 gói nylon là chất ma túy bị cáo mua để sử dụng. Ngoài ra, vào ngày 11/7/2019 bị cáo có nhờ bị cáo S1 đi mua chất ma túy dùm cho bị cáo để bị cáo sử dụng, sau khi mua xong bị cáo có cho bị cáo S1 02 tép chất ma túy để bị cáo S1 mang về nhà sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Chung Kim D và Đỗ Trọng S1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Chung Kim D 06(sáu) năm tù đến 07(bảy) năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Đỗ Trọng S1 05 (năm) năm tù đến 06(sáu) năm tù.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 gói được niêm phong mang số vụ 1466/2019; 01 gói được niêm phong mang số vụ 1900/2019; 01 hộp nhựa màu đỏ;

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 cái ĐTDĐ hiệu Nokia, 01 xe máy biển số 93B1-02X.XX(số máy: VMKADA-D-115834, số khung: không rõ).

Bị cáo Chung Kim D nói lời nói sau cùng: bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình, chăm sóc con nhỏ.

Bị cáo Đỗ Trọng S1 nói lời sau cùng: bị cáo biết hành vi của mình là sai, bị cáo mong Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Chung Kim D và bị cáo Đỗ Trọng S1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai nhận của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Chung Kim D và Đỗ Trọng S1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo D phạm tội hai lần nên phạm vào điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý dược liệu, dược phẩm độc hại, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là sai trái, phạm pháp nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra trong vụ án này còn có người tên T1 không rõ lai lịch là người bán trái phép chất ma túy các bị cáo, cơ quan điều tra chưa làm rõ được đề nghị loại trừ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không xét.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét cần áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, việc tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe máy biển số 93B1-02X.XX(số máy: VMKADA-D-115834, số khung: không rõ) không rõ nguồn gốc, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356004080635263. Đây là tài sản của bị cáo S dùng để liên lạc mua chất ma túy, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước;

- 01 gói được niêm phong mang số vụ 1466/2019; 01 gói được niêm phong mang số vụ 1900/2019. Đây là đối tượng phạm tội, Hội đồng xét cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 hộp nhựa màu đỏ. Đây là đồ vật bị cáo dùng đựng chất ma túy, không có giá trị, Hội đồng xét cần tịch thu tiêu hủy;

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc bị cáo Chung Kim D và bị cáo Đỗ Trọng S1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Chung Kim D và bị cáo Đỗ Trọng S1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào điểm b, g Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Chung Kim D 06(sáu) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2019.

- Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng S1 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2019.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 gói được niêm phong mang số vụ 1466/2019; 01 gói được niêm phong mang số vụ 1900/2019; 01 hộp nhựa màu đỏ;

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356004080635263; 01 xe máy biển số 93B1-02X.XX (số máy: VMKADA-D-115834, số khung: không rõ).

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Lệnh nhập kho vật chứng số 183/LNK ngày 20/9/2019, Phiếu nhập kho vật chứng số 183/PNK ngày 20/9/2019 và Lệnh nhập kho vật chứng số 237/LNK ngày 04/12/2019, Phiếu nhập kho vật chứng số 237/PNK ngày 04/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Củ Chi).

- Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm buộc mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn D